VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài

Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14 tháng 8 năm 2025.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài[1].

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Ngân hàng thương mại.

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (sau đây gọi là văn phòng đại diện nước ngoài).

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện nước ngoài.

---

[1] Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 14/2022/QH15;*

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng."

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng* là tổ chức được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài và được kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây:

a) Nhận tiền gửi;

b) Cấp tín dụng;

c) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

2. *Văn phòng đại diện nước ngoài* là đơn vị phụ thuộc của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thành lập tại Việt Nam. Văn phòng đại diện nước ngoài không được thực hiện các hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

3. *Cổ đông góp vốn thành lập* là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của ngân hàng thương mại cổ phần tại thời điểm thành lập.

4. *Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên* là cuộc họp gồm các cổ đông sáng lập và các cổ đông góp vốn thành lập khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc, có nhiệm vụ thông qua Điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần, bầu các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên và quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập ngân hàng thương mại cổ phần.

5. *Cuộc họp Thành viên góp vốn đầu tiên* là cuộc họp gồm các thành viên sáng lập và các thành viên góp vốn khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nguyên tắc, có nhiệm vụ thông qua Điều lệ của ngân hàng, bầu các chức danh thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ đầu tiên và quyết định các vấn đề khác liên quan đến việc thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

6. *Ban trù bị* là một nhóm người do các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu, ngân hàng mẹ lựa chọn làm đại diện theo ủy quyền, thay mặt các cổ đông sáng lập, thành viên góp vốn thành lập, chủ sở hữu, ngân hàng mẹ triển khai các công việc liên quan đến việc đề nghị cấp Giấy phép. Ban trù bị phải có tối thiểu 02 thành viên trong đó có 01 thành viên là Trưởng ban.

7. *Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép* là đơn vị thuộc ngân hàng nhà nước, được giao nhiệm vụ cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 4. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được ghi trong Giấy phép tối đa không quá 99 năm; thời hạn hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài được ghi trong Giấy phép tối đa không quá 05 năm.

Chương II
QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP

Điều 5. Thẩm quyền quyết định cấp Giấy phép

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có thẩm quyền quyết định cấp Giấy phép đối với ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh)[2] nơi văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến đặt trụ sở có thẩm quyền quyết định cấp Giấy phép đối với văn phòng đại diện nước ngoài.

Điều 6. Giấy phép

1. Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện nước ngoài theo mẫu Giấy phép tương ứng quy định tại Phụ lục số 01, 02, 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài phải có văn bản nêu rõ lý do và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (bộ phận Một cửa) để đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp bản sao Giấy phép từ bản gốc theo quy định của pháp luật và phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này.

---

[2] Cụm từ "Ngân hàng Nhà nước chi nhánh" được thay bằng cụm từ "Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh)" theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước cấp lại bản sao từ bản gốc cho ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài.

Điều 7. Thủ tục cấp Giấy phép

1. Thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài như sau:

a) Ban trù bị lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 10, Điều 11, khoản 1, 2, 3 Điều 12, khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 13, khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 Điều 14 Thông tư này và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (bộ phận Một cửa) hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có)[3].

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ để xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc yêu cầu bổ sung trong trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ;

b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi xem xét ý kiến của các cơ quan liên quan. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do không chấp thuận;

c) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Ban trù bị lập các văn bản bổ sung theo quy định tại Điều 10, khoản 4 Điều 12, khoản 7 Điều 13, khoản 14 Điều 14 Thông tư này và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước (bộ phận Một cửa) hoặc nộp trực tuyến qua Cổng

---

[3] Cụm từ "hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có)" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có)[4]. Quá thời hạn nêu trên, Ngân hàng Nhà nước không nhận được hoặc nhận được không đầy đủ các văn bản bổ sung thì văn bản chấp thuận nguyên tắc đương nhiên không còn giá trị.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước xác nhận bằng văn bản về việc đã nhận đầy đủ văn bản bổ sung.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ các văn bản bổ sung, Ngân hàng Nhà nước tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

2. Thủ tục cấp Giấy phép của văn phòng đại diện nước ngoài như sau:

a) Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép theo quy định tại Điều 10, Điều 15 Thông tư này và gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có)[5] theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng yêu cầu bổ sung hồ sơ;

---

[4] Cụm từ "hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có)" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

[5] Cụm từ "hoặc nộp trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có)" được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tiến hành cấp Giấy phép theo quy định. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản trả lời tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng, trong đó nêu rõ lý do không cấp Giấy phép.

Điều 8. Nộp lệ phí cấp Giấy phép

1. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cấp Giấy phép phải nộp lệ phí cấp Giấy phép tại Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch) hoặc thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép.

2. Văn phòng đại diện nước ngoài được cấp Giấy phép phải nộp lệ phí cấp Giấy phép tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này hoặc thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép.

3. Mức lệ phí cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 9. Điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính đối với tổ chức tín dụng nước ngoài khi đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam

1. Khi đề nghị cấp Giấy phép, tổ chức tín dụng nước ngoài là thành viên sáng lập của ngân hàng liên doanh, chủ sở hữu của ngân hàng 100% vốn nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện về tổng tài sản có và tình hình tài chính sau đây:

a) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

b) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép.

2. Khi đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng nước ngoài là ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện liên quan đến tổng tài sản có và tình hình tài chính sau đây:

a) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 20 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung đề nghị cấp Giấy phép;

b) Điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 10. Nguyên tắc lập hồ sơ

1. Các văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phải do Trưởng Ban trù bị ký và các văn bản lập theo các Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này là bản gốc, các văn bản khác là bản sao có chứng thực, trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác. Các văn bản do Trưởng Ban trù bị ký phải có tiêu đề "Ban trù bị thành lập và tên dự kiến ngân hàng thương mại hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài".

Các văn bản tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài phải do người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký, trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần được lập 01 bộ bằng tiếng Việt, trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài được lập thành 02 bộ (01 bộ bằng tiếng Việt và 01 bộ bằng tiếng Anh), trừ trường hợp Thông tư này có quy định khác, trong đó:

a) Bộ hồ sơ tiếng Anh phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu sau đây:

(i) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính gửi trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước;

(ii) Các báo cáo tài chính được lập trực tiếp bằng tiếng Anh;

b) Các bản dịch từ tiếng Anh ra tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định về chứng thực của pháp luật Việt Nam trừ tài liệu quy định tại điểm c khoản này;

c) Bản dịch các báo cáo tài chính phải được xác nhận của tổ chức, cá nhân được phép hành nghề dịch thuật theo quy định của pháp luật;

d) Các văn bản tiếng Việt là bản gốc (hoặc sao từ bản gốc tiếng Việt) được lập tại Việt Nam không cần phải dịch ra tiếng Anh.

4. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

5. Trong mỗi bộ hồ sơ phải có danh mục tài liệu.

6.[6] Trường hợp gửi hồ sơ trực tuyến qua Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc qua Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước (nếu có), hồ sơ điện tử được sử dụng chữ ký số theo quy định của pháp luật về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

Trường hợp hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước gặp sự cố hoặc có lỗi không thể tiếp nhận, trao đổi thông tin điện tử, việc khai, gửi, tiếp nhận, trả kết quả, trao đổi, phản hồi thông tin được thực hiện qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ngân hàng Nhà nước.

7.[7] Các tài liệu trong hồ sơ điện tử là bản điện tử quét từ bản gốc, bản chính (tập tin định dạng PDF).

Điều 11. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại do các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Dự thảo Điều lệ.

3. Đề án thành lập ngân hàng thương mại, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Sự cần thiết thành lập ngân hàng thương mại;

b) Tên ngân hàng thương mại, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động;

c) Năng lực tài chính của các cổ đông sáng lập, cổ đông góp vốn thành lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, thành viên góp vốn;

---

[6] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

[7] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

d) Sơ đồ tổ chức và mạng lưới hoạt động của ngân hàng thương mại dự kiến trong 03 năm đầu tiên;

đ) Danh sách nhân sự dự kiến trong đó mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí, chức danh:

(i) Chủ tịch, thành viên, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên; Trưởng ban các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

(ii) Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát;

(iii) Tổng giám đốc (Giám đốc), các Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc trong cơ cấu tổ chức;

e) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và các rủi ro khác phát sinh từ các hoạt động trọng yếu và trong quá trình hoạt động;

g) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của ngân hàng thương mại và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của ngân hàng thương mại;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai; các giải pháp về đảm bảo hoạt động liên tục của hệ thống công nghệ thông tin;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của ngân hàng thương mại;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

h) Khả năng đứng vững và phát triển của ngân hàng trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của ngân hàng, trong đó chứng minh được lợi thế của ngân hàng khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích chi tiết việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

i) Hệ thống kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ:

(i) Nguyên tắc hoạt động và yêu cầu của hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của ngân hàng, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định sau: Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Người điều hành; Quy định về tổ chức và hoạt động của trụ sở chính, chi nhánh và các đơn vị trực thuộc khác;

(iii) Nội dung và quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

k) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch kinh doanh, các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

4. Tài liệu chứng minh năng lực của bộ máy quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến:

a) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Phiếu lý lịch tư pháp:

(i) Đối với nhân sự dự kiến có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích (bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa) và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

(ii) Đối với nhân sự dự kiến không có quốc tịch Việt Nam: Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương (có đầy đủ thông tin về tình trạng án

tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) phải được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định. Trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã thì Trưởng Ban trù bị phải có văn bản giải trình về việc phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có thông tin này và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhân sự dự kiến không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng;

(iii) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương quy định tại điểm b(i) và b(ii) của Khoản này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị Cấp giấy phép không quá 06 tháng;

Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã)[8];

c) Các văn bằng chứng minh trình độ chuyên môn;

d) Các tài liệu khác chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật;

đ) Trường hợp người dự kiến được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) không có quốc tịch Việt Nam, ngoài các văn bản nêu trên, phải có văn bản cam kết đáp ứng đầy đủ các điều kiện để được cư trú và làm việc tại Việt Nam.

---

[8] Cụm từ "Nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);"được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

5. Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu về việc lựa chọn Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị, thông qua dự thảo Điều lệ, đề án thành lập ngân hàng thương mại và danh sách các chức danh quản trị, kiểm soát, điều hành dự kiến và lựa chọn Ban trù bị, Trưởng Ban trù bị.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần

1. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Danh sách các cổ đông sáng lập và dự kiến danh sách các cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hồ sơ của cổ đông góp vốn thành lập:

a) Đối với cá nhân:

(i) Đơn mua cổ phần đối với cá nhân theo mẫu quy định tại Phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này;

(iii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm thành lập, doanh nghiệp, hợp tác xã; Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);[9]

---

[9] Cụm từ "Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);" được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

- Báo cáo tài chính 03 năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của doanh nghiệp do cổ đông sáng lập quản lý hoặc Bản sao có chứng thực văn bằng đại học hoặc trên đại học chuyên ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán và kiểm toán;

- Bảng kê khai các loại tài sản có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên, các khoản nợ và tài liệu chứng minh theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với tổ chức:

(i) Đơn mua cổ phần theo mẫu quy định tại Phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư này;

(ii) Bảng kê khai người có liên quan theo mẫu quy định tại Phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư này;

(iii) Giấy phép thành lập hoặc văn bản tương đương;

(iv) Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đại diện vốn góp của tổ chức tại ngân hàng (đối với người không có quốc tịch Việt Nam);

(v) Điều lệ của tổ chức;

(vi) Báo cáo tài chính năm liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và Báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

(vii) Ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, cổ đông sáng lập phải có thêm các văn bản sau:

- Sơ yếu lý lịch của người đại diện vốn góp theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này; Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp cấp, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp

bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã)[10];

- Báo cáo tài chính 05 năm liên tiếp liền kề năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán độc lập bởi doanh nghiệp kiểm toán thuộc danh sách doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán do cơ quan có thẩm quyền công bố và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

- Văn bản của cấp có thẩm quyền chấp thuận cho góp vốn thành lập ngân hàng đối với trường hợp tổ chức là doanh nghiệp Nhà nước;

(viii) Bản gốc Bảng xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức tín dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư này;

(ix) Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện về việc thực hiện nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội: Văn bản cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội của tổ chức theo Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư này; Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước; Văn bản của cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của tổ chức.

4. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trù bị phải nộp bổ sung các văn bản sau:

a) Điều lệ của ngân hàng thương mại cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

---

[10] Cụm từ "Cổ đông sáng lập được xuất trình Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử đã được cấp trên ứng dụng định danh và xác thực điện tử VNeID hoặc nộp Phiếu lý lịch tư pháp bản điện tử theo quy định của pháp luật (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã);" được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025.

b) Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên;

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát;

d) Quyết định của Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng;

đ) Danh sách các cổ đông góp vốn thành lập theo mẫu quy định tại Phụ lục số 08 ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Văn bản của ngân hàng thương mại nơi Ban trù bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các cổ đông góp vốn thành lập;

g) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở chính của ngân hàng thương mại cổ phần;

h) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần quy định tại điểm i khoản 3 Điều 11 Thông tư này đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua;

i) Báo cáo của cổ đông sáng lập là ngân hàng thương mại trong nước về việc đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản;

k) Các văn bản khác có liên quan đến cấp Giấy phép.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài

1. Thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Thông tư này.

2. Hồ sơ của chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài:

a) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và không có ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán. Trường hợp tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán thì nộp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán và phải nộp báo cáo tài chính được kiểm toán ngay sau khi tổ chức kiểm toán phát hành báo cáo kiểm toán và phải chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo tài chính đã nộp;

b) Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc văn bản tương đương;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về tổ chức tín dụng nước ngoài như sau:

(i) Nội dung hoạt động được phép tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(ii) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iii) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

d) Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với tổ chức tín dụng nước ngoài trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ;

đ) Điều lệ của tổ chức tín dụng nước ngoài;

e) Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển của tổ chức tín dụng nước ngoài cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

g) Quyết định bổ nhiệm người đại diện vốn góp tại ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài của tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật kèm theo bản sao hộ chiếu của người đại diện vốn góp.

3. Hồ sơ của thành viên sáng lập ngân hàng liên doanh là ngân hàng thương mại Việt Nam, doanh nghiệp không phải là ngân hàng gồm các giấy tờ, tài liệu quy định tại điểm b khoản 3 Điều 12 Thông tư này, trừ đơn mua cổ phần.

4. Hợp đồng liên doanh có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật; hợp đồng thỏa thuận góp vốn giữa các thành viên sáng lập đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

5. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cam kết bảo đảm khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của ngân hàng nước ngoài (bao gồm cả hoạt động của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam) trên cơ sở hợp nhất theo thông lệ quốc tế.

6. Văn bản cam kết của chủ sở hữu, các thành viên sáng lập về việc:

a) Hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài;

b) Đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài không thấp hơn mức vốn pháp định và đáp ứng đầy đủ các quy định về an toàn hoạt động theo quy định của ngân hàng Nhà nước.

7. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trù bị phải nộp bổ sung các văn bản sau:

a) Điều lệ của Ngân hàng đã được Hội đồng thành viên thông qua;

b) Văn bản của một ngân hàng thương mại nơi Ban trù bị mở tài khoản góp vốn xác nhận số tiền góp vốn của các thành viên sáng lập;

c) Văn bản chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở chính của ngân hàng thương mại;

d) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài quy định tại điểm i khoản 3 Điều 11 Thông tư này đã được Hội đồng thành viên thông qua;

đ) Báo cáo của thành viên sáng lập là ngân hàng thương mại trong nước về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản;

e) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá chủ sở hữu, thành viên sáng lập là tổ chức tín dụng nước ngoài đáp ứng các điều kiện quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản;

g) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản này, Ban trù bị thành lập ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải nộp bổ sung các văn bản sau:

(i) Quyết định của chủ sở hữu về việc bổ nhiệm Chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng;

(ii) Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban kiểm soát.

h) Ngoài các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 7 Điều này, Ban trù bị thành lập ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải nộp bổ sung các văn bản sau:

(i) Biên bản cuộc họp Thành viên góp vốn đầu tiên;

(ii) Biên bản họp Hội đồng thành viên thông qua các nội dung về việc bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên; Biên bản họp Ban kiểm soát về việc bầu chức danh Trưởng Ban Kiểm soát;

(iii) Quyết định của Hội đồng thành viên về việc bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng;

i) Các văn bản khác có liên quan đến cấp Giấy phép.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài do người đại diện theo pháp luật của ngân hàng nước ngoài ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đề án thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Sự cần thiết thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Tên chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tên tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh, nội dung hoạt động, thời gian hoạt động, vốn được cấp khi thành lập;

c) Sơ đồ tổ chức, danh sách nhân sự dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài phù hợp với các quy định tại Điều 97, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng; danh sách nhân sự dự kiến phải mô tả chi tiết trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, năng lực quản lý rủi ro đáp ứng được các yêu cầu của từng vị trí;

d) Chính sách quản lý rủi ro: Nhận diện, đo lường, phòng ngừa, quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tập trung và các rủi ro khác phát sinh từ các hoạt động trọng yếu và trong quá trình hoạt động;

đ) Công nghệ thông tin:

(i) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

(ii) Hệ thống công nghệ thông tin phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về quản trị điều hành, quản lý rủi ro của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các quy định của Ngân hàng Nhà nước;

(iii) Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, trong đó nêu rõ: thời gian thực hiện đầu tư công nghệ; loại hình công nghệ dự kiến áp dụng; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin; bảo đảm hệ thống thông tin có thể tích hợp và kết nối với hệ thống quản lý của Ngân hàng Nhà nước để cung cấp thông tin theo yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước;

(iv) Hồ sơ về hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ cho hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(v) Các giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật tương ứng với loại hình dịch vụ dự kiến triển khai;

(vi) Nhận diện, đo lường và triển khai phương án quản lý rủi ro đối với công nghệ dự kiến áp dụng trong lĩnh vực hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(vii) Dự kiến phân công trách nhiệm báo cáo và kiểm soát hoạt động hệ thống công nghệ thông tin;

e) Khả năng đứng vững và phát triển của chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên thị trường:

(i) Phân tích và đánh giá thị trường ngân hàng, trong đó nêu được thực trạng, thách thức và triển vọng;

(ii) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó chứng minh được lợi thế của chi nhánh ngân hàng nước ngoài khi tham gia thị trường;

(iii) Chiến lược phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động và nội dung hoạt động ngân hàng, loại khách hàng và số lượng khách hàng. Trong đó, phân tích rõ việc đáp ứng các điều kiện đối với những nội dung hoạt động có điều kiện;

g) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ:

(i) Yêu cầu đối với hệ thống kiểm soát nội bộ;

(ii) Dự thảo các quy định nội bộ cơ bản về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tối thiểu bao gồm các quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật Các tổ chức tín dụng và quy định về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(iii) Quy trình hoạt động của kiểm toán nội bộ;

h) Phương án kinh doanh dự kiến trong 03 năm đầu, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Phân tích thị trường, chiến lược, mục tiêu và kế hoạch hành động để đạt được mục tiêu đó, các báo cáo tài chính dự kiến của từng năm (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động và thuyết minh khả năng thực hiện các chỉ tiêu tài chính trong từng năm).

3. Điều lệ của ngân hàng mẹ.

4. Sơ yếu lý lịch của Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của ngân hàng mẹ; Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 11 Thông tư này; Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn và các tài liệu chứng minh việc đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan của Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến.

5. Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc các văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cấp cho ngân hàng mẹ.

6. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về ngân hàng mẹ như sau:

a) Nội dung hoạt động được phép tại nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

b) Tình hình tuân thủ pháp luật về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác trong vòng 05 năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

c) Tỷ lệ an toàn vốn và các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác theo quy định của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

d) Tình hình tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

7. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính cam kết khả năng giám sát toàn bộ hoạt động của ngân hàng mẹ (bao gồm cả hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam) trên cơ sở hợp nhất theo thông lệ quốc tế.

8. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép của ngân hàng mẹ.

9. Văn bản hoặc tài liệu của tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng tín nhiệm đối với ngân hàng mẹ trong thời hạn 06 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ.

10. Văn bản của ngân hàng mẹ bảo đảm chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam; đảm bảo duy trì giá trị thực của vốn được cấp của chi nhánh không thấp hơn mức vốn pháp định và và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

11. Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động và định hướng phát triển đối với ngân hàng mẹ cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

12. Văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện theo pháp luật ký về việc cử Ban trù bị và ủy quyền cho Trưởng Ban trù bị.

13. Văn bản của ngân hàng mẹ do người đại diện theo pháp luật ký kèm tài liệu chứng minh chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm d khoản 3 Điều 29 Luật Các tổ chức tín dụng trong trường hợp ngân hàng mẹ đề nghị thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài thứ hai trở lên tại Việt Nam.

14. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trù bị phải bổ sung các văn bản sau:

a) Văn bản bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài do đại diện theo pháp luật của ngân hàng mẹ ký;

b) Văn bản chứng minh quyền sử dụng hợp pháp trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Các quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại điểm g khoản 2 Điều này được ngân hàng mẹ thông qua;

d) Văn bản của Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá ngân hàng mẹ đáp ứng các điều kiện theo quy định

của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đến thời điểm nộp bổ sung văn bản;

e) Các văn bản khác có liên quan đến cấp Giấy phép.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài do người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Giấy phép hoạt động hoặc văn bản tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cấp cho tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

3. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cung cấp thông tin về tình hình tuân thủ pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

4. Văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng đặt trụ sở chính cho phép tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.

5. Báo cáo quá trình thành lập, hoạt động của tổ chức tín dụng, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng cho đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và định hướng phát triển của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

6. Báo cáo tài chính năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép đã được kiểm toán của tổ chức tín dụng, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.

7. Sơ yếu lý lịch của Trưởng Văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; Phiếu lý lịch tư pháp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 11 Thông tư này; các văn bằng, chứng chỉ chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của Trưởng Văn phòng đại diện nước ngoài dự kiến tại Việt Nam.

8. Văn bản chứng minh quyền sử dụng hoặc sẽ có quyền sử dụng hợp pháp trụ sở của văn phòng đại diện nước ngoài.

Chương III
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 16. Trách nhiệm của Ban trù bị

1. Lập và gửi hồ sơ theo quy định tại Thông tư này.

2. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận nguyên tắc, Ban trù bị có trách nhiệm:

a) Tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên, cuộc họp Thành viên góp vốn đầu tiên để thông qua các nội dung theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 3 Thông tư này;

b) Thông báo cho các cổ đông góp vốn, chủ sở hữu, thành viên góp vốn, ngân hàng mẹ gửi tiền vào tài khoản do Ban trù bị mở tại một ngân hàng thương mại Việt Nam.

3. Hướng dẫn cổ đông góp vốn thực hiện việc góp vốn và thẩm định hồ sơ của cổ đông góp vốn.

4. Chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác nội dung hồ sơ đã nộp cho Ngân hàng Nhà nước.

5. Thông báo cho các cổ đông góp vốn, thành viên sáng lập, ngân hàng mẹ biết lý do không được cấp Giấy phép trong trường hợp không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

6. Bảo vệ các nội dung tại Đề án thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước Hội đồng thẩm định.

7. Trình bày trước Hội đồng thẩm định về việc đáp ứng đủ các điều kiện để được cấp Giấy phép theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. Trách nhiệm của Trưởng Ban trù bị

1. Triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Thành viên sáng lập đầu tiên theo quy định của pháp luật.

2. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền để đề nghị thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho đến khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan đến hồ sơ cấp Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện nước ngoài

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hồ sơ cấp Giấy phép của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và văn phòng đại diện nước ngoài phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Ban trù bị theo quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin cung cấp.

Điều 19. Thông báo thông tin về cấp Giấy phép, thông tin về người đại diện pháp luật của ngân hàng thương mại, thông tin về Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài cho cơ quan đăng ký kinh doanh

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước (đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép) hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền quy định tại Điều 5 Thông tư này có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kèm theo Giấy phép, thông tin về người đại diện pháp luật của ngân hàng thương mại, thông tin về Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài, thông tin về Trưởng Văn phòng đại diện nước ngoài cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài đặt trụ sở chính để cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 20. Phối hợp cấp Giấy phép

1. Sau khi có văn bản xác nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến của:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài về địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại, trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Bộ Công an về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại, Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Các tổ chức, cơ quan có liên quan (trong trường hợp cần thiết).

2. Ngân hàng Nhà nước xem xét, có văn bản chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên cơ sở ý kiến của các cơ quan liên quan.

Điều 21. Hội đồng thẩm định

1. Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại, cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài (gọi tắt là Hội đồng thẩm định) do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định thành lập gồm Thống đốc hoặc một Phó Thống đốc (được Thống đốc ủy quyền) làm Chủ tịch, các thành viên là Thủ trưởng một số đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước. Hội đồng thẩm định hoạt động theo Quy chế do Thống đốc quy định.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định: Thẩm định các hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trong quá trình thẩm định, Hội đồng thẩm định áp dụng hình thức phỏng vấn trực tiếp để thẩm định trình độ chuyên môn, hiểu biết về lĩnh vực ngân hàng của những người dự kiến được bầu vào các chức danh quản trị, điều hành của ngân hàng thương mại, Tổng giám đốc (Giám đốc) dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thẩm định tính hợp lý và khả thi đối với từng nội dung của Đề án thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 22. Trách nhiệm của Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép

1. Làm đầu mối tiếp nhận và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại, hồ sơ đề nghị Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước khi chấp thuận nguyên tắc:

(i) Đơn vị đầu mối thẩm định tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị để xác nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ hoặc yêu cầu bổ sung hồ sơ;

(ii) Thẩm định hồ sơ và có văn bản đề nghị thẩm định kèm hồ sơ gửi các thành viên Hội đồng thẩm định xem xét. Văn bản đề nghị thẩm định nêu rõ kết quả thẩm định và quan điểm đề xuất về việc cấp Giấy phép;

(iii) Tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định và trình Chủ tịch Hội đồng thẩm định triệu tập họp các thành viên Hội đồng thẩm định để xem xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

(iv) Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi Ban trù bị về việc chấp thuận nguyên tắc hoặc không chấp thuận nguyên tắc (trong đó nêu rõ lý do).

Nội dung văn bản chấp thuận nguyên tắc bao gồm: chấp thuận nguyên tắc thành lập ngân hàng thương mại, thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài; chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; chấp thuận cơ cấu tổ chức, quản trị điều hành, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Đối với các văn bản bổ sung sau khi được chấp thuận nguyên tắc:

Sau khi nhận được các văn bản bổ sung hồ sơ, Đơn vị đầu mối có trách nhiệm thẩm định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký Quyết định cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và đáp ứng các điều kiện theo quy định hoặc có văn bản không cấp Giấy phép (trong đó nêu rõ lý do).

2. Thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính theo quy định tại Điều 19 Thông tư này.

3. Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu trữ hồ sơ cấp Giấy phép sau khi đã cấp Giấy phép.

4. Xử lý các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư.

5. Giám sát việc thực hiện của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sau khi khai trương hoạt động theo Đề án thành lập ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 23. Trách nhiệm của các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép quy định tại khoản 7 Điều 3 Thông tư này có văn bản đề nghị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh nơi ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đề nghị thành lập dự kiến đặt trụ sở chính thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và có văn bản gửi Đơn vị đầu mối;

b) Làm đầu mối trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo, giám sát ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước trước khi tiến hành khai trương hoạt động;

c) Đình chỉ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khai trương hoạt động trong trường hợp ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không đáp ứng các điều kiện khai trương hoạt động;

d) Báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về điều kiện và tình hình tiến hành khai trương hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

đ) Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ theo quy định tại Điều 15 Thông tư này;

e) Có văn bản gửi lấy ý kiến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi dự kiến đặt trụ sở của văn phòng đại diện nước ngoài đối với việc đặt địa điểm trụ sở của văn phòng đại diện nước ngoài khi thực hiện cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

g) Chịu trách nhiệm về quản lý và lưu trữ hồ sơ cấp Giấy phép sau khi đã cấp Giấy phép;

h) Thông báo cho Bộ Công an (Cục An ninh kinh tế) về nhân sự là Trưởng văn phòng đại diện nước ngoài sau khi cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài;

i) Thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi văn phòng đại diện nước ngoài đặt trụ sở theo quy định tại Điều 19 Thông tư này;

k) Hướng dẫn văn phòng đại diện nước ngoài thực hiện việc nộp lệ phí cấp giấy phép.

2. Các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp trong công tác cấp Giấy phép theo quy định.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[11]

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2024.

Điều 25. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

---

[11] Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 12/2025/TT-NHNN ngày 30/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 14/8/2025 quy định như sau:

*"**Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện***

Thủ trưởng đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14 tháng 8 năm 2025./."

Phụ lục số 01

MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-NHNN	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm.....*

GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG (loại hình....)
THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày... tháng... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài)..... và hồ sơ kèm theo;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng..... ngày....;

Theo đề nghị của Thủ trưởng Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép thành lập (Ngân hàng thương mại, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài)..... như sau:

1. Tên Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.....;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điều 2. Vốn điều lệ của Ngân hàng..... là..... (bằng chữ:.....)

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng..... là..... năm.

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng..... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

e) Thư tín dụng;

g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

15. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

16. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

18. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

19. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

20. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

21. Các hoạt động kinh doanh khác

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

h) Phát hành trái phiếu;

i) Lưu ký chứng khoán;

k) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

l) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

22. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

23. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

24. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

25. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng..... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7. Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng..... được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng.....; một (01) bản để gửi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh....., một bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng.....).

THỐNG ĐỐC

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Lưu: VP, Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

Phụ lục số 02

MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /GP-NHNN	*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm.....*

GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI
THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày... tháng... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam nước ngoài;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng..... và hồ sơ kèm theo;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài của Ngân hàng..... ngày....;

Theo đề nghị của Thủ trưởng Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép .

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Ngân hàng....., quốc tịch....., có trụ sở chính tại..... được thành lập chi nhánh tại....., Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau:

1. Tên chi nhánh:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:.....;

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:.....;

- Tên giao dịch (hoặc tên viết tắt):.....

2. Địa chỉ trụ sở:.....

Điều 2. Vốn được cấp của Ngân hàng... - Chi nhánh.... là..... (bằng chữ:.....).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng… - Chi nhánh..... là..... năm.

Điều 4. Nội dung hoạt động

Ngân hàng..... - Chi nhánh.... được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.

2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

a) Cho vay;

b) Chiết khấu, tái chiết khấu;

c) Bảo lãnh ngân hàng;

d) Phát hành thẻ tín dụng;

đ) Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế đối với các ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;

e) Thư tín dụng;

g) Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.

5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.

6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

7. Vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn.

8. Mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước.

9. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

10. Vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

11. Mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước.

12. Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

13. Mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

14. Tổ chức thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

15. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

16. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm về ngoại hối trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định.

17. Kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

18. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

19. Đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

20. Các hoạt động kinh doanh khác

a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

b) Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

c) Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá khác;

d) Dịch vụ môi giới tiền tệ;

đ) Kinh doanh vàng;

e) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;

g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép;

h) Phát hành trái phiếu;

i) Lưu ký chứng khoán;

k) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

l) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

21. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.

22. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

23. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán.

24. Các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng (chỉ cấp phép khi có quy định của pháp luật).

Điều 5. Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng… - Chi nhánh..... phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 6. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 7. Giấy phép thành lập Ngân hàng... - Chi nhánh..... được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho Ngân hàng... - Chi nhánh.....; một (01) bản để gửi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; (một bản lưu tại Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, một bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh....., một bản lưu tại hồ sơ cấp Giấy phép thành lập Ngân hàng…..... - Chi nhánh.....

THỐNG ĐỐC

Nơi nhận:
- Như Điều 7;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Lưu: VP, Đơn vị đầu mối xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

Phụ lục số 03

MẪU GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:……/GP-……	*……, ngày…. tháng…. năm.....*

GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI
GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CHI NHÁNH ….

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày... tháng... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài của... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng) và hồ sơ kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng), quốc tịch..., có trụ sở chính tại (tên thành phố, quốc gia)

được thành lập văn phòng đại diện nước ngoài tại (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương), Việt Nam như sau:

1. Tên văn phòng đại diện nước ngoài:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

2. Địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện nước ngoài:

Điều 2. Thời hạn hoạt động:

Điều 3. Nội dung hoạt động:

Các hoạt động... *(liệt kê các hoạt động đề nghị và được chấp thuận tương ứng theo quy định tại Điều 133 Luật Các tổ chức tín dụng);*

Điều 4. Trong quá trình hoạt động, Văn phòng đại diện nước ngoài... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng) - ... (tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) phải tuân thủ pháp luật Việt Nam.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện nước ngoài.. (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng) - ... (tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) được lập thành năm (05) bản chính: một (01) bản cấp cho... (tên tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng); một (01) bản để gửi gửi Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh; ba (03) bản lưu tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chi nhánh…

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Thống đốc NHNN;
- UBND tỉnh/TP.....;
- Bộ Công an;
- Lưu: ….

Phụ lục số 04
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày... tháng... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Căn cứ Biên bản cuộc họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoặc văn bản của chủ sở hữu là ngân hàng… (đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) ngày…. tháng…. năm…. về việc thành lập Ngân hàng…;

Nay, các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập của Ngân hàng… thay mặt các cổ đông (thành viên) góp vốn thành lập hoặc chủ sở hữu là ngân hàng… đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại với các nội dung sau đây:

1. Tên của Ngân hàng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chính:

3. Nội dung hoạt động:

4. Thời gian hoạt động:

5. Vốn điều lệ:… đồng (bằng chữ…), trong đó tỷ lệ góp vốn của các cổ đông (thành viên) sáng lập như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Số GP hoặc số đăng ký kinh doanh hoặc số chứng minh nhân dân hoặc số thẻ căn cước công dân, số định danh cá nhân, số hộ chiếu	Số điện thoại	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty A				
2	Nguyễn Văn B				
3					

6. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại (nêu rõ họ, tên và các chức danh đề nghị chấp thuận của từng thành viên).

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Thực hiện đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Các cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược không phải là cổ đông sáng lập, chủ sở hữu, thành viên sáng lập, cổ đông chiến lược của tổ chức tín dụng Việt Nam khác.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều lệ của ngân hàng.

..., ngày… tháng… năm...

Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu Ngân hàng…
(Cổ đông sáng lập là cá nhân ký và ghi đầy đủ họ và tên; Cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, chủ sở hữu là tổ chức do người đại diện theo pháp luật ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

Phụ lục số 05
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI
(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
THÀNH LẬP CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày... tháng... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Nay, Ngân hàng… đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét cấp Giấy phép thành lập và hoạt động chi nhánh ngân hàng nước ngoài với các nội dung sau đây:

1. Tên của chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh

2. Tên tỉnh, thành phố nơi dự kiến đặt trụ sở chi nhánh:

3. Nội dung hoạt động:

4. Thời gian hoạt động:

5. Vốn được cấp:

6. Danh sách dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (nêu rõ họ, tên).

7. Cơ cấu tổ chức, quản trị điều hành dự kiến của chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Ngân hàng… xin cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Sau khi được cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm...

Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng nước ngoài
ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên

Phụ lục số 06

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN NƯỚC NGOÀI

Kính gửi: Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh …

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 162/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày... tháng... năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Nay, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên) đề nghị Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh… xem xét cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên) với nội dung sau đây:

1. Tên của văn phòng đại diện nước ngoài:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh

2. Địa điểm đặt trụ sở dự kiến của văn phòng đại diện nước ngoài:

3. Nội dung hoạt động:

4. Thời gian hoạt động:

5. Danh sách dự kiến bổ nhiệm trưởng văn phòng đại diện nước ngoài của văn phòng đại diện nước ngoài (nêu rõ họ, tên).

Tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng (tên)... xin cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của nội dung trong đơn, hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép.

- Sau khi được cấp Giấy phép, chúng tôi sẽ thực hiện việc đăng ký ngày khai trương và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước; nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày... tháng... năm...

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng

(ký, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên)

Phụ lục số 07

MẪU SƠ YẾU LÝ LỊCH TỰ KHAI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

Ảnh hộ chiếu (4x6)

1. Thông tin cá nhân

- Họ và tên:

- Ngày, tháng, năm sinh:

- Nơi sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Tên và địa chỉ pháp nhân mà mình đại diện (trường hợp là người đại diện của pháp nhân):

2. Trình độ học vấn

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm)

3. Quá trình công tác:

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay), làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính.

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại ngân hàng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

4. Phần vốn góp, cổ phần dự kiến sở hữu (trường hợp cổ đông là cá nhân) hoặc dự kiến được ủy quyền, ủy thác đứng tên (trường hợp là người đại diện của pháp nhân).

5. Mối quan hệ (nếu là cổ đông sáng lập, người dự kiến được bầu, bổ nhiệm làm người quản lý, điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại): Kê khai mối quan hệ với người có liên quan theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.

6. Thông tin về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã (đối với trường hợp phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp không có/không cung cấp được thông tin này);

7. Tôi,…… xin cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

..., ngày… tháng… năm….
Người khai
(Ký và ghi rõ họ và tên)

Ghi chú: Chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

Phụ lục số 08

MẪU DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG…

STT	Thông tin về tổ chức, cá nhân	Số điện thoại	Giá trị vốn góp	Số cổ phần	Loại cổ phần	Tỷ lệ vốn góp
I. Cổ đông sáng lập:						
Tổ chức						
1	Công ty A					
2						
Cá nhân						
3	Nguyễn Văn A					
4						
II. Cổ đông góp vốn khác						
Tổ chức						
5	Công ty B					
6						
Cá nhân						
7	Nguyễn Văn B					
8						

Trưởng Ban trù bị
(Ký và ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI

1. Thông tin về tổ chức bao gồm:

a) Thông tin về tổ chức:

- Tên tổ chức:

- Địa điểm đặt trụ sở chính:

- Số Giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh hoặc văn bản tương đương, cơ quan cấp, ngày cấp:

b) Thông tin về người đại diện vốn góp:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

2. Thông tin về cá nhân bao gồm:

- Họ và tên:

- Ngày tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

Phụ lục số 09

MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI CÁ NHÂN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm.....

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trù bị thành lập Ngân hàng…

1. Cá nhân đề nghị mua cổ phần:

- Họ và tên (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):

- Ngày tháng năm sinh:

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Số điện thoại:

2. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

3. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà cá nhân đang có vốn góp:

- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó:

4. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập ngân hàng;

c) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người mua cổ phần
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 10

MẪU ĐƠN MUA CỔ PHẦN ĐỐI VỚI TỔ CHỨC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm....

ĐƠN MUA CỔ PHẦN

Kính gửi: Ban trù bị thành lập Ngân hàng…

1. Tổ chức đề nghị mua cổ phần:

- Tên tổ chức (tên đầy đủ và chính thức, ghi bằng chữ in hoa):
- Số Quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp, ngày cấp:
- Vốn điều lệ:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại: Số Fax (nếu có):

2. Người đại diện theo pháp luật:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức:
- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):
- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

3. Người được cử làm đại diện ủy quyền của tổ chức tại ngân hàng thương mại cổ phần:

- Họ và tên:
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi công tác và chức vụ hiện tại:

- Mối liên hệ với tổ chức (trong trường hợp không làm việc cho tổ chức đó):

- Số định danh cá nhân; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú) (đối với người có quốc tịch Việt Nam):

- Số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp; quốc tịch (quốc tịch gốc, các quốc tịch hiện nay); nơi ở hiện tại (đối với người không có quốc tịch Việt Nam):

4. Nội dung đăng ký mua cổ phần:

- Số lượng cổ phần đăng ký mua, loại cổ phần, giá trị, tỷ lệ sở hữu so với vốn điều lệ:

- Thời gian nộp tiền:

5. Tình hình góp vốn, mua cổ phần tại các tổ chức khác:

- Tên tổ chức tín dụng, doanh nghiệp mà tổ chức đang có vốn góp:

- Số vốn đã góp và tỷ lệ so với tổng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đó:

6. Cam kết:

Sau khi nghiên cứu Điều lệ của Ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan, chúng tôi xin cam kết:

a) Mua đủ số cổ phần và góp đúng thời hạn đã đăng ký;

b) Không sử dụng vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân khác để góp vốn, không được sử dụng nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để góp vốn; không góp vốn dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức; Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp thành lập ngân hàng;

c) Không bị kết án về các tội phạm quy định tại Bộ luật Hình sự trong 02 (hai) năm liền kề trước thời điểm nộp đơn.

d) Tuân thủ các quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, các quy định nội bộ của ngân hàng và các quy định của pháp luật có liên quan;

đ) Hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những hồ sơ gửi kèm (nếu có).

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 11

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
VÀ TÌNH HÌNH THAM GIA GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

STT	**Người khai (tổ chức, cá nhân góp vốn thành lập ngân hàng) và *"người có liên quan"***	**Mối quan hệ với người khai**	**Đã tham gia thành lập ngân hàng**		**Tỷ lệ vốn góp/Vốn ĐL khi thành lập của ngân hàng TMCP…**
			Tên ngân hàng	Tỷ lệ sở hữu/vốn ĐL của ngân hàng (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Nguyễn Văn A	Người khai			
2.	Nguyễn Thị B	Vợ			
3.	Công ty X	Là công ty do ông A là CTHĐQT, giám đốc…			
…					
Tổng cộng				% (chi tiết từng ngân hàng)	%

Tôi cam kết nội dung Bảng kê khai trên đây là đúng sự thật, nếu có bất cứ sự không trung thực nào, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người khai (7)
(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai tại (2): kê khai toàn bộ mối quan hệ "người có liên quan" theo quy định tại khoản 24 Điều 4, khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

2. Đối với phần kê khai tại (3): Ghi rõ mối quan hệ với người khai.

3. Đối với phần kê khai tại (4): Ghi rõ tên các ngân hàng đã tham gia góp vốn.

4. Đối với phần kê khai tại (7): Nếu là pháp nhân, người ký tên người khai là đại diện cho pháp nhân và đóng dấu; Nếu là cá nhân, chữ ký phải được chứng thực theo quy định của pháp luật.

5. Người khai phải kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật và tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của hồ sơ, trường hợp không phát sinh thì ghi rõ không có, trường hợp người có liên quan đã mất ghi rõ đã mất.

Phụ lục số 12

MẪU BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP LÀ CÁ NHÂN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI TÀI SẢN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Họ và tên Người kê khai tài sản: .....
- Ngày tháng năm sinh: .....
- Số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; nơi ở hiện tại (trường hợp khác nơi đăng ký thường trú):
- Cơ quan/đơn vị công tác hoặc nơi làm việc: .....

TT	*Loại tài sản*	*Thông tin mô tả về tài sản*
1	Nhà, công trình xây dựng	- Số lượng:……..cái 1.1. Nhà thứ nhất: + Loại nhà:…….. + Diện tích đất:……m2 + Diện tích đất xây dựng:……m2 + Diện tích sử dụng:……m2 + Địa chỉ:…… (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật) + Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:…….. 1.2. Nhà thứ hai: + Loại nhà:……..

TT	*Loại tài sản*	*Thông tin mô tả về tài sản*
		+ Diện tích đất:……m2 + Diện tích đất xây dựng:……m2 + Diện tích sử dụng:……m2 + Địa chỉ:…… (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chủ quyền theo quy định của pháp luật) + Trị giá ngôi nhà và đất theo giá thị trường:…….. 1.3. Nhà thứ …:
2	Quyền sử dụng đất	- Số lượng:……thửa 2.1. Thửa thứ nhất: + Loại đất:…….. + Diện tích:……..m2 + Địa chỉ:…… (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật) + Trị giá thửa đất theo giá thị trường:…….. 2.2. Thửa thứ hai: + Loại đất:…….. + Diện tích:……..m2 + Địa chỉ:…… (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy chứng nhận QSD đất theo quy định của pháp luật) + Trị giá thửa đất theo giá thị trường:…….. 2.3. Thửa thứ:…..;
3	Tài sản ở nước ngoài	- Động sản: (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) + Tên:…… + Số lượng:…… + Trị giá theo giá thị trường:……

TT	*Loại tài sản*	*Thông tin mô tả về tài sản*
		- Bất động sản:…… (Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) + Tên:…….. + Địa chỉ:……. + Trị giá theo giá thị trường:…….
4	Tài khoản ở nước ngoài	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) - Ngân hàng mở tài khoản:……. - Số dư tài khoản vào thời điểm kê khai:…….
5	Mô tô, ô tô, tàu, thuyền có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy đăng ký của cơ quan chức năng) - Chủng loại, nhãn hiệu:…… - Số lượng:…….. - Tổng giá trị theo giá thị trường:……
6	Kim khí quý, đá quý có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan nếu có) - Tổng giá trị ước tính:……
7	Tiền, sổ tiết kiệm, cổ phiếu, trái phiếu, các công cụ chuyển nhượng khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	Tiền mặt: Tổng giá trị:……..
		Tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng (tài khoản, sổ tiết kiệm, sổ tín dụng…): (Đính kèm bản sao có chứng thực của ngân hàng) Tổng giá trị:…… Cổ phiếu: (Đính kèm bản sao có chứng thực của công ty phát hành hoặc công ty chứng khoán) Tổng giá trị theo mệnh giá…… Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC): …….....

TT	*Loại tài sản*	*Thông tin mô tả về tài sản*
		Trái phiếu: (Đính kèm bản sao có chứng thực của cơ quan phát hành hoặc công ty chứng khoán) Tổng giá trị theo mệnh giá…… Tổng giá trị theo giá thị trường (Sàn giao dịch, OTC):……
		Các công cụ chuyển nhượng khác: Tổng giá trị theo mệnh giá…… Tổng giá trị theo giá thị trường:…….
8	Tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) - Tên:… - Số lượng: … - Tổng giá trị ước tính: …….
9	Vốn huy động, vốn vay của tổ chức, cá nhân	(Đính kèm bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan) - Khoản vay thứ nhất: Hợp đồng số…… tại Ngân hàng TMCP A; Giá trị khoản vay:……; Tài sản đảm bảo:….; Dư nợ đến thời điểm hiện tại:…… (bằng chữ…….). - Khoản vay thứ hai: Hợp đồng số …… tại Ngân hàng TMCP A; Giá trị khoản vay:……; Tài sản đảm bảo:….; Dư nợ đến thời điểm hiện tại:…… (bằng chữ…….). ….. - Khoản vay thứ n: …..

Tôi cam kết Bản tự kê khai tài sản trên đây là trung thực, đầy đủ. Nếu khai man, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày… tháng… năm…
Người kê khai tài sản, thu nhập
(Ký, ghi rõ họ tên)

HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THEO MẪU

1. Đối với phần kê khai về nhà, công trình xây dựng khác:

- Không phải kê khai nhà công vụ

- Nhà, công trình xây dựng phải kê khai gồm: nhà ở, nhà xưởng, nhà hàng, câu lạc bộ, các công trình xây dựng khác….

- Nhà, công trình xây dựng tiếp theo (nếu có) thì kê khai như nhà, công trình xây dựng thứ nhất, thứ hai.

2. Đối với phần kê khai 5, 6, 7, 8:

Chỉ kê khai nếu tổng giá trị của mỗi loại tài sản từ 100 triệu đồng trở lên. Ví dụ: có 3 xe máy, nếu tổng giá trị của 3 xe máy từ 100 triệu đồng trở lên thì phải kê khai, nếu tổng giá trị của 3 xe máy dưới 100 triệu đồng thì không phải kê khai.

3. Đối với tài sản chung theo phần:

Kê khai rõ được phần thuộc sở hữu của người kê khai, giá trị ước tính của phần tài sản đó.

Phụ lục số 13

BẢNG XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG VỀ TÀI CHÍNH ĐỂ GÓP VỐN THÀNH LẬP NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC KHÔNG PHẢI LÀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG XÁC ĐỊNH KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Cách xác định khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng

A- Công thức tính khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng:

1.1. Công thức tổng quát:

Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại	=	*Vốn chủ sở hữu*	-	*Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu*

1.2. Công thức cụ thể:

$A = E - LI$ (1) và

$LI = LA - LD$ (2)

Trong đó:

+ A: Khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại của tổ chức

+ E: Vốn chủ sở hữu

+ LI: Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi vốn chủ sở hữu

+ LD: Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn

+ LA: Tài sản dài hạn

* Nếu A >= Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại theo cam kết của tổ chức thì tổ chức có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại.

* Nếu A < Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại theo cam kết của tổ chức thì tổ chức không có đủ khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại.

B- Ví dụ minh họa:

Theo Đề án, Công ty X sẽ góp 100 tỷ VND để thành lập ngân hàng thương mại Y. Phân tích nguồn vốn để Công ty X góp thành lập ngân hàng thương mại Y dựa trên bảng cân đối kế toán vào ngày 31/7/2007 như sau:

Đơn vị: tỷ VND

TT	Tài sản		TT	Nguồn vốn	
I.	***Tài sản ngắn hạn***	***1.092,42***	***I.***	***Nợ phải trả***	***664,88***
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	771,90	1.	Nợ ngắn hạn	517,18
2.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	2.	Nợ dài hạn	147,70
3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	377,87			
4.	Hàng tồn kho	0,08			
5.	Tài sản ngắn hạn khác	2,57			
II.	***Tài sản dài hạn***	***1.530,90***	***II.***	***Vốn chủ sở hữu***	***1.958,44***
1.	Các khoản phải thu dài hạn	0	1.	Vốn chủ sở hữu	1.900
2.	Tài sản cố định	26,02	2.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	58,44
3.	Bất động sản đầu tư	0			
4.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.504,78			
5.	Tài sản dài hạn khác	0,10			
	Cộng	**2.623,32**		**Cộng**	**2.623,32**

Vận dụng công thức (1) và (2) để xác định khả năng về tài chính của Công ty X để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại Y, ta có:

Đầu tư dài hạn được tài trợ bởi Vốn chủ sở hữu (LI)		**Vốn chủ sở hữu (E)**	
Tài sản dài hạn (LA)	1.530,90 tỷ VND	Vốn chủ sở hữu	1.900 tỷ VND
Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (LD)*	147,70 tỷ VND		
LI = LA-LD	1.383,2 tỷ VND	E	1.900 tỷ VND
A = E-LI			516,8 tỷ VND

So sánh A (516,8 tỷ VND) với Số vốn phải góp vào ngân hàng thương mại Y theo cam kết của Công ty X (100 tỷ VND) có thể thấy Công ty X có khả năng về tài chính để góp vốn thành lập ngân hàng thương mại Y (516,8 tỷ VND > 100 tỷ VND).

Chú ý:

* Nếu trong Thuyết minh báo cáo tài chính của tổ chức chưa thuyết minh rõ về khoản mục Phần Nợ dài hạn dùng để đầu tư Tài sản dài hạn (tài sản cố định, đầu tư tài chính dài hạn,…) thì cần yêu cầu tổ chức có văn bản thuyết minh rõ về khoản mục này.

Người đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Phụ lục số 14

VĂN BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ, BẢO HIỂM XÃ HỘI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2024/TT-NHNN ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài)

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……../…….. *V/v cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm*	*..., ngày… tháng… năm…*

VĂN BẢN CAM KẾT ĐÃ THỰC HIỆN ĐẦY ĐỦ NGHĨA VỤ THUẾ, BẢO HIỂM XÃ HỘI

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 162/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định điều kiện cấp Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và điều kiện đối với chủ sở hữu của tổ chức tín dụng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập;

Căn cứ Thông tư số .../2024/TT-NHNN ngày… tháng… năm 2024 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài;

Tên tổ chức:

Mã số thuế:

Trụ sở chính:

Điện thoại:

Đại diện theo pháp luật: Chức vụ:

Bằng văn bản này, *tên tổ chức* xin cam kết: Tính tới thời điểm hiện tại, *tên tổ chức* đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội với cơ quan nhà nước.

Tên tổ chức xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung tại cam kết này.

Trân trọng cảm ơn./.

Đại diện theo pháp luật của tổ chức
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Số: 14/VBHN-NHNN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 04 tháng 8 năm 2025

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.44243
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website	http://congbao.chinhphu.vn